

BÀI ÔN TẬP CUỐI KỲ 1 - ĐỊA LÝ 11

A. TRẮC NGHIỆM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1: Nhóm nước đang phát triển có

- A. thu nhập bình quân đầu người rất cao. B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP rất cao.
C. chỉ số phát triển con người không quá cao. D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất nhỏ bé.

Câu 2. Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

- A. trao đổi học sinh, sinh viên thuận lợi giữa nhiều nước.
B. tăng cường hợp tác về văn hóa, văn nghệ và giáo dục.
C. đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.
D. đầu tư nước ngoài ngày càng mở rộng giữa các nước.

Câu 3: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Liên minh châu Âu (EU).
B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 4. Bảo đảm sự ổn định của hệ thống tiền tệ quốc tế là mục tiêu chủ yếu của

- A. Tổ chức Thương mại Thế giới. B. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).
C. Ngân hàng Thế giới (WB). D. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 5: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của khu vực hóa kinh tế?

- A. Ngân hàng Thế giới (WB).
B. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
D. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

Câu 6. Nhóm nước phát triển có

- A. GNI bình quân đầu người cao. B. tỉ trọng của dịch vụ trong GDP thấp.
C. chỉ số phát triển con người còn thấp. D. tỉ trọng của nông nghiệp còn rất lớn.

Câu 7. Mỹ Latinh là khu vực có tỉ lệ dân thành thị

- A. rất cao và tăng nhanh. B. rất thấp và tăng chậm.
C. khá cao và tăng chậm. D. nhỏ và gia tăng nhanh.

Câu 8: Dân cư Mỹ La-tinh có đặc điểm nào sau đây?

- A. Số dân ít. B. Mật độ dân số cao.
C. Cơ cấu dân số vàng. D. Dân số đang trẻ hóa.

Câu 9. Khu vực Mỹ Latinh có phía đông giáp với

- A. Thái Bình Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Đại Tây Dương. D. Nam Đại Dương.

Câu 10: Khu vực Mỹ Latinh có phía bắc giáp với

- A. Hoa Kỳ. B. Ca-na-đa.
C. quần đảo Ăng-ti lớn. D. quần đảo Ăng-ti nhỏ.

Câu 11: Cơ quan quyền lực cao nhất của EU là

- A. Hội đồng Châu Âu. B. Nghị viện Châu Âu
C. Ủy ban châu Âu D. Hội đồng Liên minh châu Âu.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với EU từ khi thành lập đến nay (2020) ?

- A. Số lượng thành viên và phạm vi lãnh thổ ngày càng được mở rộng.
B. Sự hợp tác giữa các nước thành viên về nhiều mặt được tăng cường.
C. Quyết định nhiều vấn đề quan trọng về kinh tế ở các nước thành viên.
D. Nhiều nước không dùng đồng tiền chung (ơ-rô) và rút ra khỏi tổ chức.

Câu 13: Ba nền kinh tế lớn nhất EU là

- A. Cộng hoà Liên bang Đức, Pháp, Phần Lan.
B. Cộng hoà Liên bang Đức, Ba Lan, I-ta-li-a.

C. Tây Ban Nha, Pháp, I-ta-li-a.

D. Cộng hoà Liên bang Đức, Pháp, I-ta-li-a.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đồng tiền chung (đồng ơ-rô) của EU?

A. Có vị trí cao trong giao dịch quốc tế.

B. Đồng tiền dự trữ chính thức quốc tế.

C. Tạo thuận lợi trong thương mại của EU.

D. Tất cả thành viên EU đã dùng chung.

Câu 15: Khu vực Đông Nam Á có vị trí địa lí

A. nằm ở phía đông nam châu Á.

B. giáp với Đại Tây Dương.

C. giáp với Bắc Băng Dương.

D. nằm ở phía đông châu Á.

Câu 16. Dân số Đông Nam Á hiện nay có đặc điểm là

A. quy mô lớn, gia tăng có xu hướng giảm.

B. tỉ suất gia tăng tự nhiên ngày càng tăng.

C. dân số đông, người già trong dân số giảm.

D. tỉ lệ người di cư đến hàng năm rất lớn.

Câu 17: Đánh bắt hải sản là ngành truyền thống ở nhiều nước Đông Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Các nước này có vùng biển rộng, nhiều tôm, cá.

B. Dân số đông, nguồn lao động giàu kinh nghiệm.

C. Hải sản là nguồn thực phẩm chủ yếu của dân cư.

D. Các nước này có đường bờ biển dài, nhiều đảo.

Câu 18. Khu vực Đông Nam Á **không** nằm ở vị trí cầu nối giữa

A. lục địa Á-Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a.

B. Ô-xtrây-li-a với các nước Đông Á.

C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

D. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

Câu 19: Cây cà phê được trồng nhiều ở Đông Nam Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Có khí hậu nóng ẩm, đất badan màu mỡ.

B. Thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn ổn định.

C. Truyền thống trồng cây công nghiệp lâu đời.

D. Quỹ đất cho phát triển cây công nghiệp lớn.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Đông Nam Á?

A. Là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn.

B. Là nơi các cường quốc muốn gây ảnh hưởng.

C. Vị trí cầu nối lục địa Á - Âu và Ô-xtrây-li-a.

D. Nằm ở trên vành đai lửa Thái Bình Dương.

Câu 21: Công nghiệp chế biến thực phẩm của Đông Nam Á phát triển dựa trên các thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

A. Nguồn lao động trình độ cao và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

B. Nguồn lao động dồi dào và cơ sở hạ tầng khá hiện đại.

C. Nguồn nguyên liệu phong phú và thị trường tiêu thụ rộng.

D. Nguồn vốn đầu tư nhiều và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 22. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.

B. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.

D. khí hậu cận xích đạo và xích đạo.

Câu 23: Công nghiệp điện tử-tin học của Đông Nam Á đang trở thành ngành mũi nhọn dựa trên các thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

A. Nguồn lao động rất dồi dào và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

B. Nguồn lao động dồi dào và cơ sở hạ tầng khá hiện đại.

C. Nguồn lao động trẻ, có kĩ thuật và thu hút đầu tư nước ngoài

D. Nguồn vốn đầu tư nhiều và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 24: Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh đánh bắt xa bờ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Tăng sản lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ.

B. Tăng sản lượng và bảo vệ tài nguyên ở thềm lục địa.

C. Tăng sản lượng cá, tôm và mở rộng vùng biển.

D. Tăng sản lượng cá và bảo vệ sinh vật biển ở các đảo.

Câu 25: Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo là có

A. địa hình chủ yếu là núi già với ít núi lửa.

B. Đất đai kém màu mỡ.

C. các đồng bằng phù sa do sông bồi đắp nên.

D. nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

Câu 26: Đông Nam Á nằm ở vị trí cầu nối giữa các lục địa nào sau đây?

A. Á - Âu và Phi.

B. Á - Âu và Ô-xtrây-li-a.

C. Á - Âu và Nam Mỹ.

D. Á - Âu và Bắc Mỹ.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Đông Nam Á?

A. Các nước trong khu vực (trừ Lào) đều giáp biển.

B. Nằm trong vành đai sinh khoáng lớn của Trái Đất.

C. Có diện tích rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm lớn.

D. ít chịu các thiên tai như động đất, sóng thần.

Câu 28: Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á chuyển dịch theo hướng từ nông nghiệp là chủ yếu sang phát triển công nghiệp và dịch vụ, chủ yếu do tác động của

A. quá trình công nghiệp hóa.

B. biến đổi khí hậu.

C. xu hướng toàn cầu hóa.

D. xu hướng khu vực hóa.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

A. Nguồn lao động dồi dào và tăng hàng năm.

B. Lao động có tay nghề có số lượng hạn chế.

C. Tỷ lệ người lao động có trình độ cao còn nhỏ.

D. Vấn đề thiếu việc làm đã được giải quyết tốt.

Câu 30: Đông Nam Á có

A. số dân đông, mật độ dân số cao.

B. mật độ dân số cao, phân bố đồng đều.

C. số dân ít, cơ cấu dân số già.

D. số dân đông, tỷ lệ dân thành thị rất cao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đông Nam Á nằm ở nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn, đồng thời là nơi có lịch sử phát triển lâu đời.

a) Đây là nơi tập trung nhiều dân tộc có phong tục tập quán, tín ngưỡng riêng.

b) Là khu vực có tình hình chính trị bất ổn nhất trên thế giới.

c) Hệ thống giáo dục, y tế phát triển ở mức rất cao.

d) Mức sống của người dân giữa các nước vẫn còn sự chênh lệch khá nhiều.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	32,3	16,7	54,3	69,7

(Nguồn: Thống kê từ Liên hợp quốc 2020, <https://danso.org>)

a) Mi-an-ma là nước có diện tích lớn hơn Thái Lan

b) Mật độ dân số của Thái Lan năm 2019 là 135,8 người/km².

c) Mật độ dân số của Ma-lai-xi-a nhỏ hơn Cam-pu-chia.

d) Thái Lan là quốc gia có số dân đông nhất.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ, CƠ CẤU VÀ TỈ LỆ TĂNG TỰ NHIÊN CỦA DÂN SỐ VÀ DIỆN TÍCH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Năm		2000	2010	2020
Chỉ tiêu				
Quy mô dân số (triệu người)		525,0	596,8	668,4
Cơ cấu dân số (%)	- Dưới 15 tuổi	31,8	28,0	25,2
	- Từ 15 đến 64 tuổi	63,3	66,0	67,7
	- Từ 65 tuổi trở lên	4,9	6,0	7,1
Tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số (%)		1,6	1,3	1,1
Diện tích (triệu km ²)		4,5	4,5	4,5

a) Đông Nam Á có quy mô dân số đông và không tăng qua các năm.

b) Tỉ lệ gia tăng dân số của Đông Nam Á thấp nhất là năm 2020.

c) Đông Nam Á có cơ cấu dân số già, tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng nhanh.

d) Đông Nam Á là khu vực có mật độ dân số cao và tăng qua các năm.

Câu 4. EU là một liên kết kinh tế khu vực lớn, đạt được nhiều thành tựu về hợp tác khu vực trên thế giới. Sự hợp tác trong EU thông qua các biểu hiện:

a. Thiết lập một EU tự do, an ninh và công lí.

b. Hợp tác trong chuyển đổi kĩ thuật số và phát triển bền vững.

c. Sử dụng chung đồng Ô-rô.

d. Quy mô nền kinh tế đứng thứ 3 trên TG.

Câu 5: Cho thông tin sau:

Đồng Ô-rô được chính thức đưa vào lưu hành năm 1999. Việc đưa vào sử dụng đồng Ô - rô có ý nghĩa quan trọng với EU trong nền kinh tế thế giới và khu vực.

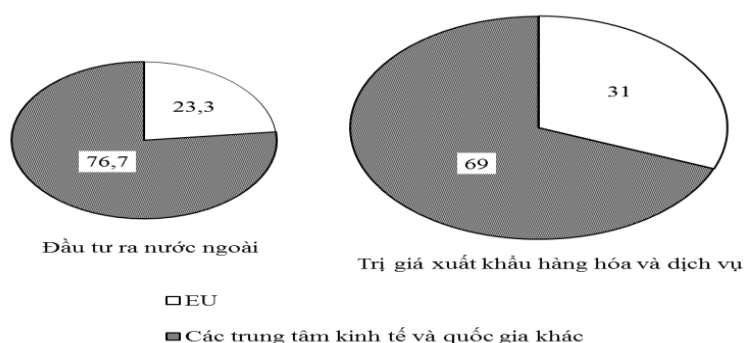
a) Đồng Ô-rô là một biểu hiện cho sự hợp tác trong Liên minh châu Âu.

b) Đồng Ô-rô giúp EU giảm sự phụ thuộc vào các loại tiền tệ khác.

c) Tất cả các quốc gia ở châu Âu đều sử dụng đồng tiền chung Ô-rô.

d) Đồng Ô-rô giúp EU ổn định tài chính trong khu vực.

Câu 6: Cho biểu đồ :



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỈ LỆ GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI, TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU SO VỚI THẾ GIỚI, NĂM 2021
(Đơn vị: %)

a. EU là một trung tâm thương mại lớn trên thế giới.

b. Nhiều hoạt động thương mại của EU có tác động đến thị trường toàn cầu.

c. EU có giá trị đầu tư nước ngoài không nhiều.

d. Đầu tư của EU tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ, khai thác dầu khí và chế tạo...

Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1. Biết trị giá xuất khẩu của khu vực Đông Nam Á là 1676,3 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 1526,6 tỉ USD (năm 2020). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Đông Nam Á năm 2020 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

A.150

Câu 2: Năm 2020 dân số Việt Nam là 97,6 triệu người, diện tích là 331,2 nghìn km². Mật độ dân số của Việt Nam là bao nhiêu người/ km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

A.295

Câu 3: Năm 2020 dân số của Việt Nam là 97,6 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 36,8%. Hãy cho biết số dân thành thị của Việt Nam là bao nhiêu triệu người ? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của triệu người).

A.35,9

Câu 4. Biết trị giá xuất khẩu của Cam-pu-chia là 20750,5 triệu USD, trị giá nhập khẩu là 29997,8 triệu USD (năm 2022). Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của Cam-pu-chia năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

A. -9

Câu 5. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á,
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2020
Đông Nam Á	5,3	8,0	10,7

(Nguồn: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, 2022)

Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng cao su của Đông Nam Á năm 2020 so với năm 2000 (coi năm 2000 là 100%)(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

A. 202

B.TỰ LUẬN

Câu 1. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ EU QUA CÁC NĂM
(Đơn vị: Triệu người)

Năm	2004	2007	2013	2021
Số dân	457,2	495,0	506,0	447,7

(Nguồn: Liên minh Châu Âu và Ngân hàng Thế giới, năm 2022)

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện quy mô dân số của EU giai đoạn 2004-2021.

b. Nhận xét sự thay đổi quy mô dân số của EU qua các năm.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ MỘT SỐ QUỐC GIA,
KHU VỰC NĂM 2022.

(Đơn vị: Tỉ USD)

Năm	2022
EU	6859,0
Hoa Kỳ	4692,0
Nhật Bản	1646,0

(Nguồn: WB, năm 2022)

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện trị giá xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ của EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản năm 2022.

b. Rút ra nhận xét.